**Vốn xã hội trong phát triển kinh tế ở miền Tây Nghệ An - Những vấn đề đặt ra**

NGUYỄN THỊ MINH TÚ

HỒ THỊ THỦY

Vốn xã hội là một khái niệm được giới nghiên cứu khoa học xã hội quan tâm trong nhiều năm qua. Và gần đây, trong quá trình phát triển, người ta nói nhiều đến vốn xã hội với tư cách là một nguồn lực mềm có vai trò to lớn đối với sự phát triển của kinh tế thị trường. Vốn xã hội không chỉ là nguồn lực tiềm năng, là nhân tố nền tảng mà còn là cơ sở trực tiếp tham gia vào các hoạt động kinh tế và tác động mạnh mẽ đến hiệu quả kinh tế. Vậy nên, nhận thức về nguồn lực này là một vấn đề cần thiết để xây dựng các chính sách phát triển phù hợp và phát huy được giá trị kinh tế của nguồn vốn xã hội. Nhưng để làm được những điều đó, cần phải có những nghiên cứu, đánh giá rõ ràng về thực trạng nguồn vốn xã hội ở khu vực miền Tây Nghệ An.

1. Thực trạng vốn xã hội ở miền Tây Nghệ An

1.1. Vốn xã hội ở cấp vĩ mô

Chính sách dân tộc là hệ thống văn bản pháp lý quan trọng nhất đối với phát triển vùng dân tộc thiểu số. Ở Nghệ An hiện nay, chính sách dân tộc còn có hiệu lực trên địa bàn tỉnh là 70 văn bản của Trung ương, 12 văn bản của tỉnh liên quan trực tiếp đến 14 sở, ban, ngành chỉ đạo thực hiện. Đến năm 2020, nhiều chính sách đi đến giai đoạn cuối, hoặc cũng kết thúc một giai đoạn triển khai thì việc nhìn nhận lại tính hiệu quả của nó là cần thiết.

Nhiều chính sách mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần giảm tỉ lệ hộ nghèo khu vực miền núi bình quân từ 3-4%/năm (riêng các huyện 30a, những năm gần đây giảm bình quân 6%/năm); Kết cấu hạ tầng bằng các nguồn lực đầu tư từ Chương trình 135, Chương trình 30a, nông thôn mới... và các nguồn lực khác đã tạo ra chuyển biến quan trọng; Các lĩnh vực như: giáo dục - đào tạo, đời sống văn hóa tinh thần,... không ngừng được nâng lên.

Tuy nhiên, bên cạnh những chính sách phát huy hiệu quả thì có nhiều chính sách đã thực hiện nhưng hiệu quả thấp. Ví dụ như Nghị định 75/2015/NĐ-CP về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020 thì đến nay vẫn chưa hiệu quả; Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg;... Việc đảm bảo tính hiệu quả của các chính sách là một thách thức lớn.

Trong các chính sách ảnh hưởng đến sự phát triển của nông thôn nói chung và vùng dân tộc thiểu số nói riêng thì chính sách về khoa học công nghệ đóng góp vai trò quan trọng. Từ năm 2009, nhiều chương trình, dự án khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội các huyện miền Tây được phê duyệt và triển khai trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao.

Với tư cách là vốn xã hội vĩ mô, các chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước đã tác động đến phát triển của vùng dân tộc thiểu số ở miền núi phía Tây Nghệ An một cách mạnh mẽ. Một mặt nó tác động trực tiếp qua hệ thống chính trị và các tổ chức đoàn thể, tạo cơ chế cho việc hình thành và hoạt động của các mạng lưới xã hội trong hệ thống chính trị. Mặt khác, nó cũng là hành lang pháp lý để quản trị và phát triển các mạng lưới xã hội cộng đồng nhằm đưa ra những biện pháp phát triển phù hợp và hiệu quả hơn. Nói cách khác, vốn xã hội vĩ mô là cơ sở nền tảng để phát triển vốn xã hội vi mô.

1.2. Vốn xã hội ở cấp độ vi mô

Vốn xã hội ở cấp độ vi mô phân tích bao gồm: niềm tin xã hội và mạng lưới xã hội. Niềm tin xã hội được thể hiện như niềm tin vào hệ thống chính trị, niềm tin trong cùng cộng đồng, niềm tin liên cộng đồng. Mạng lưới xã hội bao gồm: mạng lưới xã hội trong cùng cộng đồng (như gia đình, dòng họ, hàng xóm láng giềng đồng tộc); Mạng lưới xã hội liên cộng đồng; Mạng lưới xã hội xuyên quốc gia; và hiện nay còn có cả mạng lưới xã hội ảo do khoa học công nghệ tạo ra.

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực tế đối với 452 người gồm 244 nam (54%) và 208 (46%) nữ thuộc các dân tộc như Kinh, Thái, Thổ, Khơ Mú, Ơ Đu, Mông đang sinh sống trên địa bàn 3 huyện Kỳ Sơn, Con Cuông, Quế Phong.

1.2.1. Niềm tin xã hội

Ở vùng dân tộc thiểu số miền núi Nghệ An, niềm tin xã hội của người dân thể hiện: niềm tin vào hệ thống chính trị, niềm tin trong cùng một cộng đồng và niềm tin liên cộng đồng. Qua kết quả khảo sát cho thấy: Người dân có niềm tin nhất đối với người trong dòng họ (chiếm 68,4%); Tiếp đến là: hàng xóm láng giềng (50,7% ), già làng trưởng bản hay người có uy tín (49,8%), bạn bè (46,5%), các tổ chức đoàn thể (33%), người quen trên mạng xã hội (12,4%), người trong các tổ chức tôn giáo (1,1%). Điều đó cho thấy, mức độ tin tưởng của người dân được đặt cao nhất vào những nhóm thường xuyên tiếp xúc, gắn bó và trực tiếp làm việc hàng ngày với họ.

Biểu đồ: Đánh giá mức độ niềm tin xã hội của người dân



a. Niềm tin vào hệ thống chính trị

Các chính sách phát triển từ Trung ương đến địa phương được thực hiện cho vùng dân tộc thiểu số ở miền núi càng tăng thêm niềm tin của người dân vào hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, các tổ chức chính trị xã hội địa phương góp phần tạo niềm tin của người dân vào hệ thống chính trị. Mức độ tin tưởng đối với các đối tượng cụ thể trong hệ thống chính trị thể hiện qua kết quả khảo sát: Đối với cán bộ huyện: Có 60,7% người dân đặt niềm tin; 38,1% tin bình thường; còn lại 1,2% không tin và không biết. Đối với cán bộ xã có: 63,8% người dân đặt niềm tin; 34,3% tin bình thường và còn lại 1,9% không tin hoặc không biết. Đối với các già làng, trưởng bản, là những người có vai trò quan trọng trong xã hội truyền thống thì nay họ vẫn nhận được nhiều sự tin tưởng từ người dân: Có 70,2% người dân đặt niềm tin; 28,4% tin bình thường và 1,4% không tin hoặc không biết. Đối với các tổ chức chính trị xã hội như Hội phụ nữ, Hội nông dân... thì có 60,2% đặt niềm tin; 38,2% tin bình thường và 1,7% không tin hoặc không biết. Còn đối với các chức sắc trong các cơ sở tôn giáo, thì niềm tin lại thể hiện khá khác biệt: Có đến 79,2% người dân không tin. Kết quả cho thấy đối với người dân tộc miền Tây Nghệ An tin nhất là giá làng trường bản, đến các cấp xã, huyện, tổ chức chính trị xã hội.

Có nhiều tiêu chí để đánh giá niềm tin của người dân dành cho hệ thống chính trị, trong đó nghiên cứu, đánh giá ở hai tiêu chí quan trọng là tính minh bạch và tính công bằng. Về các quyết định kinh tế của chính quyền địa phương, kết quả khảo sát cho thấy: Về mức độ minh bạch có: 35,2% được đánh giá tốt; 52,7% được đánh giá trung bình; chỉ có 2,1% đánh giá không tốt và 9,6% không biết. Về mức độ công bằng có: 39,8% đánh giá tốt; 53,3% đánh giá bình thường, 2,2% đánh giá không tốt; 4,7% không biết. Điều này cho thấy niềm tin của người dân đối với hệ thống chính trị cơ bản tốt.

b. Niềm tin trong cùng cộng đồng

Từ trước đến nay, niềm tin trong cộng đồng luôn giữ một vai trò quan trọng.

Trong hoạt động kinh tế, niềm tin trong cộng đồng thể hiện rõ nét trong quan hệ làm ăn với nhau. Các thành viên thường ưu tiên hợp tác với các thành viên khác nhau trong cộng đồng hơn là các thành viên ngoài cộng đồng. Bởi họ tin tưởng vào các thành viên trong cộng đồng của mình hơn. Họ chấp nhận cho các thành viên trong cộng đồng ứng hay nợ khi thực hiện các giao dịch kinh tế. Khi thực hiện các hợp tác kinh tế cùng ưu tiên nhiều hơn cho các thành viên trong cộng đồng. Một gia đình sẵn sàng cho con em đi làm ăn xa hay đi xuất khẩu lao động khi có một thành viên khác trong cộng đồng bảo lãnh, giúp đỡ và hỗ trợ. Sự tương tác giữa các thành viên trong cộng đồng vừa được thực hiện từ niềm tin và sau đó cộng hưởng lại làm cho niềm tin trong cộng đồng tăng lên cao hơn.

c. Niềm tin liên cộng đồng

Niềm tin liên cộng đồng là niềm tin giữa các thành viên ở các cộng đồng khác nhau. Là niềm tin của người dân tộc này đối với người dân tộc khác, hay là niềm tin của người dân ở thôn bản này với người dân thôn bản khác hay người dân làng xã này với người dân làng xã khác. Trước đây, quan hệ xã hội bó hẹp trong nội bộ cộng đồng nhiều hơn, hay các cộng đồng ở cạnh nhau, có quan hệ chặt chẽ với nhau. Vậy nên niềm tin xã hội trong cộng đồng mạnh mẽ hơn. Hiện nay, giữa các cộng đồng ngày càng có nhiều mối quan hệ hợp tác làm ăn với nhau, và nhiều mối quan hệ xã hội liên cộng đồng phức tạp hơn, nên niềm tin liên cộng đồng cũng ngày càng có vai trò quan trọng.

Niềm tin liên cộng đồng ngày càng được củng cố qua các quan hệ làm ăn kinh tế. Trong việc hợp tác kinh tế thì niềm tin là quan trọng, đó là chữ tín trong kinh doanh, cũng là sự tin tưởng để gửi gắm các nguồn lực phát triển của mình cho nhau nhằm tìm kiếm lợi ích. Trong bối cảnh hiện nay, hầu hết các cộng đồng đều có những mối quan hệ kinh tế với nhau, đậm nhạt tùy vào nhiều yếu tố khác nhau nhưng ngày càng có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ hơn. Do vậy, niềm tin liên cộng đồng cũng trở thành nhân tố quan trọng và ngày càng giữ vai trò lớn hơn trong quá trình phát triển.

1.2.2. Mạng lưới xã hội

Mạng lưới xã hội được hiểu là tổng hợp các mối quan hệ, các nhân tố kết nối và thể chế gắn kết của các cá nhân, các nhóm, các tổ chức, cộng đồng được hình thành nhằm chia sẻ những lợi ích cũng như trách nhiệm với nhau trong việc khai thác các nguồn lực để phát triển kinh tế. Do vậy, mạng lưới xã hội, trước hết là do các cá nhân tạo ra trong quá trình tham gia phát triển của mình, đó là sự thể hiện của năng lực giao tiếp, khả năng kết nối và kỹ năng quản trị quan hệ của các cá nhân. Vậy nên mạng lưới xã hội của các cá nhân khác nhau do các yếu tố hình thành từ các cá nhân không giống nhau. Và mạng lưới xã hội cũng mang tính chất là nhóm, cộng đồng cùng chia sẻ một số mối quan tâm nhất định trong quá trình phát triển.

a. Mạng lưới xã hội trong cùng cộng đồng

Mạng lưới xã hội trong cộng đồng là mạng lưới xã hội của trong cùng một cộng đồng tộc người, như mạng lưới người Mông, mạng lưới người Khơ Mú, mạng lưới người Thái, mạng lưới người Thổ, mạng lưới người Ơ Đu…. Đây là các mạng lưới xã hội có cùng quan hệ tộc người với nhau, xem nhau là đồng tộc. Mạng lưới này có thể trong một xã, một vùng, một huyện hay liên huyện, thậm chí xuyên quốc gia. Trong phát triển kinh tế thị trường, mạng lưới xã hội trong cùng cộng đồng có vai trò quan trọng. Đó là mối quan hệ tương trợ, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau về vật chất, cơ hội tìm kiếm việc làm, tài trợ, tài chính và giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày.

Mạng lưới xã hội trong gia đình

Đây là mạng lưới dựa vào quan hệ hôn nhân và huyết thống, là mối quan hệ chặt chẽ nhất ở vùng dân tộc thiểu số. Đối với người dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An, quan hệ gia đình rất quan trọng và mạng lưới gia đình có vai trò to lớn. Có những vấn đề lớn trong cuộc sống thì họ đều dựa vào gia đình và mạng lưới xã hội trong gia đình trước tiên. Từ các nghi lễ quan trọng, hay giải quyết các vấn đề nhỏ nhẹ trong gia đình đến những vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế.

Trong gia đình có mối quan hệ chặt chẽ nhất. Qua khảo sát: 69,6% rất đồng ý, 10.3% nửa đồng ý nửa không, 20,1% không đồng ý.

Trong kinh tế, mạng lưới xã hội trong gia đình thể hiện rõ ở việc phân chia, thừa kế hay chia sẻ nguồn lực phát triển. Các của cải của cha mẹ thường truyền lại cho con cái. Khi cần phải bán một nguồn của cải quan trọng như đất đai, nhà cửa, trâu bò, ruộng nương… thì người ta ưu tiên bán cho các anh chị em trong gia đình trước và giá cả cũng thấp hơn so với bán cho những người khác. Khi gia đình gặp những khó khăn, trắc trở thì những thành viên trong gia đình, hay các gia đình anh chị em cũng chia sẻ với nhau nhiều nhất. Sự chia sẻ nguồn lực cũng như hợp tác trong gia đình là yếu tố quan trọng để phát triển kinh tế hộ gia đình. Mạng lưới xã hội gia đình cũng thể hiện sự phân công lao động trong cuộc sống, trong gia đình. Sự phân công lao động đó dựa vào vị trí và năng lực của các thành viên và sự hợp tác, chia sẻ lẫn nhau để cùng đạt được mục tiêu chung.

Mạng lưới xã hội trong dòng họ

Quan hệ dòng họ cũng thể hiện một cách chặt chẽ. Các gia đình cùng chung dòng họ thường có quan hệ chặt chẽ hơn. Bên cạnh các hoạt động liên quan đến đời sống tâm linh gắn với dòng họ thì các hộ gia đình cũng thể hiện sự sẻ chia, hợp tác và tương trợ lẫn nhau nhiều hơn so với các gia đình ngoài dòng họ. Khi có các sự kiện lớn như tang ma, cưới hỏi, làm nhà… thì các hộ gia đình trong họ sẽ thông báo cho nhau đầu tiên. Người trưởng họ cũng có trách nhiệm đứng ra tập hợp các gia đình trong họ cùng giúp đỡ nhau để hoàn thành công việc quan trọng đó. Các gia đình trong cùng họ cũng giúp đỡ nhau nhiều hơn các gia đình ngoài họ, từ việc mừng cưới, mừng nhà mới hay hỗ trợ làm tang ma… Đó là những quy định bất thành văn trong cuộc sống của họ.

Liên quan đến việc thực hiện các quy ước của dòng họ, khảo sát thể hiện: có 80,3% người cho là rất tự nguyện và tự nguyện; 5,2% người chọn không tự nguyện; 13,2% chọn nửa tự nguyện nửa không tự nguyện; 1,2% chọn không biết hoặc không trả lời.

Biểu đồ: Đánh giá mức độ tự nguyện của những người trong dòng họ tuân theo quy ước dòng họ



Về vai trò của dòng họ trong làm ăn kinh tế, khảo sát cho thấy: Có 52,4% người cho rằng anh em trong họ nên hỗ trợ nhau làm ăn, buôn bán; 92% người cho rằng trong họ nên khuyến khích con cháu học hành; 86,2% người cho rằng phải đoàn kết, củng cố quan hệ dòng họ; 75,1% người cho rằng trong dòng họ phải giáo dục con cháu nề nếp gia phong; 51,1% người lựa chọn phải coi trọng việc thờ cúng tổ tiên/thực hiện các nghi lễ trong dòng họ; 43,6% người cho rằng trong dòng họ phải phạt hoặc phê bình nếu các thành viên không tuân theo các quy định chung để đảm bảo khuyến khích duy trì kỷ luật của dòng họ. Qua đó cho thấy dòng họ coi trọng nhất là việc khuyến khích con cái học hành; đoàn kết dòng họ; giáo dục con cái hỗ trợ làm ăn,...

Biểu đồ: Những công việc dòng họ coi trọng



Các thành viên trong dòng họ cũng luôn giữ quan hệ chặt chẽ. Kết quả khảo sát về mức độ chia sẻ và trao đổi thông tin trong dòng họ cho thấy: Có 68,8% người cho rằng thường xuyên chia sẻ; có 29,8% người cho rằng thỉnh thoảng mới chia sẻ; 1,1% người lựa chọn không bao giờ chia sẻ, 0,2% người không biết.

Trong phát triển kinh tế, các gia đình trong họ cũng có quan hệ khăng khít, chặt chẽ hơn. Khi một gia đình cần một nguồn vốn để làm ăn, kinh doanh thì họ sẽ tìm vay mượn các gia đình trong họ nhiều hơn. Tương tự, khi cần phải bán một tài sản quan trọng thì họ cũng sẽ ưu tiên bán cho người trong họ trước. Khi bán buôn, trao đổi giữa người trong họ với nhau cũng có những ưu tiên nhiều hơn so với những người ngoài họ. Bên cạnh đó, khi đi ra ngoài làm ăn xa hay đi xuất khẩu lao động thì người ta cũng quan tâm, ưu tiên người trong dòng họ trước, sau đó mới đến các gia đình khác. Khi trong dòng họ có một người đi ra ngoài làm ăn phát đạt, hay đi xuất khẩu lao động có điều kiện thuận lợi thì họ sẽ về quê và giúp đỡ, tạo điều kiện cho anh em, con cháu trong họ trước, sau đó mới đến hàng xóm láng giềng.

Mạng lưới xã hội đồng tộc, hàng xóm, láng giềng

Quan hệ đồng tộc cũng là quan hệ hàng xóm, láng giềng trong thôn bản với nhau. Và mạng lưới này cũng rất quan trọng. Khi được hỏi có phải những người hàng xóm, láng giềng trong bản là những người sẽ giúp đỡ mình khi cần thiết, kết quả khảo sát cho thấy: 82% người rất đồng ý; 16% người đồng ý một nửa; 2% không đồng ý; 0% không biết.

Biểu đồ: Ý kiến đánh giá về nhận định “hầu hết những người trong thôn bản/xóm đều sẵn sàng giúp đỡ tôi khi tôi cần”



Để được hàng xóm giúp đỡ thì mình cũng phải luôn sẵn sàng giúp đỡ hàng xóm. Đó như là một nguyên tắc trao đổi. Và với người dân, thì đây cũng là điều được nhiều người tôn trọng. Trong cuộc khảo sát, có 93,3% người đồng ý rằng mình luôn sẵn sàng giúp đỡ hàng xóm khi họ cần; 4,6% nửa đồng ý nửa không đồng ý; 1,6% không đồng ý.

Những người hàng xóm, làng giềng trong bản luôn giữ niềm tin dành cho nhau ở những mức độ nhất định. Niềm tin chính là sợi dây quan trọng trong mạng lưới xã hội của họ, nhưng không phải quá chặt chẽ như mạng lưới gia đình hay dòng họ. Kết quả khảo sát cho thấy có 38,5% người cho rằng người trong bản là những người đáng tin cậy, không cần phải dè chừng, 34,5% người lại lưỡng lự, nửa đồng ý nửa không về việc này, 17,7% người lại cho rằng người trong bản không thể tin tưởng và phải dè chừng.

Tộc người là một cộng đồng có chia sẻ nhiều đặc điểm chung trong đó quan trọng nhất là ngôn ngữ, đặc trưng văn hóa và ý thức tự giác tộc người. Ý thức tự giác tộc người là nhân tố quan trọng, là cái để những người trong cùng một tộc người chấp nhận và cố kết với nhau. Dù sinh sống tập trung hay đi xa làm ăn thì quan hệ giữa những người đồng tộc cùng rất gắn bó. Trong phát triển kinh tế, mạng lưới xã hội đồng tộc giữ một vai trò quan trọng.

Mạng lưới xã hội trong cộng đồng là nhân tố quan trọng, tạo ra các quan hệ hợp tác chặt chẽ để phát triển. Họ luôn ưu tiên cho người đồng tộc người để chia sẻ cả về niềm tin và lợi ích. Trong mối quan hệ này, niềm tin đồng tộc là sợi dây quan trọng.

b. Mạng lưới xã hội liên cộng đồng

Mạng lưới xã hội ngoài cộng đồng là mạng lưới giữa các cộng đồng tộc người với nhau. Mạng lưới xã hội này vô cùng rộng lớn và phức tạp. Hầu hết các tộc người ở miền núi Nghệ An đều có quan hệ kinh tế với nhau. Trước đây họ cũng có quan hệ trao đổi hàng hóa với nhau. Ngày nay thì quan hệ đó càng phát triển mạnh mẽ hơn. Cùng với đó là sự xuất hiện của người Kinh là nhân tố quan trọng làm trung gian cho các cộng đồng trong phát triển kinh tế thị trường. Sự thể hiện của mạng lưới liên cộng đồng cũng rất đa dạng, từ các tổ chức chính trị xã hội đến các tổ chức phi chính phủ, các nhóm xã hội nghề nghiệp…. Những mạng lưới này càng ngày càng có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế. Và người dân cũng nhận thức được vai trò của các mạng lưới này để tìm cách vận dụng. Kết quả của cuộc khảo sát thực địa cho thấy rõ động thái của họ. Khi đặt câu hỏi: Mạng lưới xã hội nào hỗ trợ tốt nhất cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình? Kết qua cho thấy: Có 84,5% người lựa chọn các tổ chức chính trị tại địa phương (hội phụ nữ, hội nông dân…); còn lại là từ các trung tâm tư vấn....

Trong mạng lưới xã hội ngoài cộng đồng, người Kinh đang trở thành một nhân tố quan trọng. Họ trở thành các mối trung gian thu gom hàng hóa ở miền núi để đưa về miền xuôi, đồng thời cung cấp các mặt hàng thiết yếu từ miền xuôi lên miền núi. Và gần đây là sự xuất hiện của các doanh nghiệp đầu tư về miền núi. Họ đặt hàng, hay thu mua các sản phẩm hay nguyên liệu để cung cấp cho thị trường. Qua đó, họ cũng chi phối giá cả và nhiều vấn đề liên quan.

Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường cho thấy những người nào có trong tay mạng lưới xã hội rộng lớn thì sẽ tiếp cận được thị trường. Mạng lưới xã hội trở thành một nguồn lực quan trọng, là nhân tố chủ yếu của vốn xã hội hay rộng hơn là vốn văn hóa để người dân tộc thiểu số phát triển. Năng lực cá nhân trong việc xây dựng và quản trị mạng lưới xã hội trở thành yếu tố quan trọng giúp cho đồng bào phát triển kinh tế thị trường một cách hiệu quả hơn. Điều đó thể hiện rõ với các hộ kinh doanh dịch vụ hay du lịch cộng đồng, khi họ tạo được quan hệ với mạng lưới xã hội rộng lớn hơn, trong đó có các doanh nghiệp lữ hành hay các công ty khác thì cơ hội thành công của họ được nâng cao hơn.

c. Mạng lưới xã hội xuyên quốc gia

Trong quá trình khảo sát thực địa, khi đặt câu hỏi rằng người dân có sử dụng tiếng nước ngoài để trao đổi, buôn bán với người nước ngoài không? Kết quả cho thấy chỉ có 5% người dân sử dụng tiếng nước ngoài; còn lại 95% người dân là không sử dụng tiếng nước ngoài trong trao đổi buôn bán với người nước ngoài.

Hầu hết các dân tộc thiểu số vùng miền núi Nghệ An đều có quan hệ tộc người xuyên quốc gia ở các mức độ khác nhau. Người Thái bên cạnh quan hệ chặt chẽ với các nhóm Thái khác trong nước thì cũng có quan hệ với người Thái ở nước ngoài đặc biệt là Thái Lan. Người Khơ Mú cũng vậy, họ quan hệ chặt chẽ với các nhóm Khơ Mú ở Lào. Một số nhóm người Thổ như nhóm Tày Poọng cũng có quan hệ với nhóm đồng tộc đang sinh sống ở Lào. Người Ơ Đu cũng có quan hệ nguồn gốc với nhóm Ơ Đu bên Lào. Người Mông cũng tương tự khi giữ mối quan hệ chặt chẽ với các nhóm Mông khác, đặc biệt ở Lào. Và các cộng đồng dân tộc thiểu số vùng miền núi Nghệ An luôn gìn giữ được mối quan hệ tốt đẹp với các nhóm khác bên kia biên giới, hình thành nên mạng lưới xã hội xuyên biên giới.

d. Mạng lưới xã hội ảo

Trong mấy năm gần đây, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, hạ tầng công nghệ thông tin vùng dân tộc thiểu số không ngừng được nâng cao. Sóng điện thoại, internet ngày càng được phổ biến hơn. Cùng với đó là sự phổ biến các trang thiết bị công nghệ như máy tính, ipad, và nhất là điện thoại thông minh đã làm thay đổi mạnh mẽ các sinh hoạt và sản xuất của người dân. Mạng lưới xã hội ảo hay mạng lưới xã hội từ các thiết bị công nghệ như youtube, facebook, zalo, tiktok,… ngày càng phổ biến ở vùng dân tộc thiểu số miền núi Nghệ An. Và giờ đây, người dân không chỉ tham gia vào các mạng lưới xã hội này để giải trí mà còn biết vận dụng nó để hoạt động kinh tế.

Ngày nay, các mạng xã hội ảo đang dần có vai trò quan trọng. Và nó là một kênh để quảng bá các sản phẩm quan trọng của các cộng đồng dân tộc thiểu số ra thị trường. Tuy nhiên, để phát triển được các mạng lưới xã hội này thì cần có những kỹ năng về sử dụng trang thiết bị công nghệ-thứ mà hầu hết người dân vùng núi còn hạn chế. Do vậy, cần có những chính sách hỗ trợ để họ có thể nâng cao năng lực xây dựng và quản trị mạng lưới xã hội này để vận dụng vào phát triển kinh tế thị trường.

2. Vốn xã hội ở miền Tây Nghệ An - Những vấn đề đặt ra

2.1. Nguồn vốn xã hội đa dạng và phong phú, là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế xã hội

Trước hết, cần phải khẳng định rằng, qua khảo sát thì thấy rõ, nguồn vốn xã hội vùng dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An rất đa dạng và phong phú. Sự đa dạng thể hiện ở các cấp độ khác nhau, từ vốn xã hội trong gia đình, vốn xã hội trong cộng đồng địa phương, vốn xã hội liên cộng đồng, liên địa phương và vốn xã hội xuyên quốc gia. Phong phú thể hiện trong các cấp độ thì vốn xã hội cũng thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau như vốn xã hội trong đời sống văn hóa, vốn xã hội trong đời sống chính trị, vốn xã hội trong đời sống kinh tế....

Vốn xã hội đa dạng cho phép người dân có nhiều lựa chọn để tìm kiếm nguồn lực phát triển hơn. Kết quả từ khảo sát cho thấy, có 41,4% người cho rằng người thân và họ hàng sẽ hỗ trợ tốt hơn; 18,4% lựa chọn trưởng thôn, trưởng bản; 16,2% người lựa chọn cán bộ xã, huyện; 11,1% lựa chọn hàng xóm, người cùng thôn bản; còn lại lựa chọn bạn bè, đồng nghiệp, người cùng làm ăn và không biết.

Sự đa dạng và phong phú của nguồn vốn xã hội cũng là một tiềm năng, một nguồn lực quan trọng trong quá trình phát triển. Cá nhân hay gia đình nào có nguồn vốn xã hội sâu rộng hơn, mạnh mẽ hơn thì có nhiều lợi thế, nhiều nguồn lực hơn để phát triển kinh tế. Và ngược lại, những cá nhân, gia đình bị hạn chế về vốn xã hội thì gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn lực phát triển. Thực tế chúng ta thấy rõ, hầu hết các hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số là những hộ gia đình có nguồn vốn xã hội hạn chế, đặc biệt là mạng lưới xã hội.

Vì vốn xã hội ngày càng có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nên việc xây dựng, nâng cao và phát huy nguồn vốn xã hội cho người dân tộc thiểu số vùng miền núi Nghệ An vào quá trình phát triển trở thành vấn đề quan trọng của địa phương. Trước hết là tạo niềm tin xã hội cho người dân, đặc biệt là niềm tin vào hệ thống chính trị, vào chính quyền địa phương, niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Đây là cơ sở để xây dựng và thực hiện chính sách. Bên cạnh đó phải đảm bảo sự công bằng, bình đẳng, đảm bảo sự hoạt động hiệu quả của các tổ chức trong và ngoài nhà nước để củng cố niềm tin của người dân trong quá trình phát triển.

Cùng với đó là việc tổ chức các cuộc tập huấn nâng cao năng lực xây dựng và quản trị mạng lưới xã hội cho người dân trong quá trình phát triển. Mạng lưới xã hội ngày càng trở thành nhân tố cần thiết để phát triển nên người dân cần được tập huấn về kỹ năng xây dựng và quản trị. Ngoài xây dựng mạng lưới trong cộng đồng vốn có từ trước thì phải xây dựng mạng lưới liên cộng đồng nhằm mở rộng đối tác làm ăn với các nhóm khác hay các doanh nghiệp, các cơ quan. Và một điều không thể thiếu là tập huấn các kỹ năng vận dụng các mạng lưới xã hội ảo trên các trang thiết bị công nghệ. Đó là tập huấn cách sử dụng các mạng xã hội từ Facebook, Zalo, Youtube,... và việc vận dụng, sử dụng các mạng lưới xã hội này một cách phù hợp, có giá trị kinh tế xã hội cũng như hạn chế các tác động tiêu cực của nó. Khi mạng lưới xã hội của người dân được mở rộng hơn, mạnh mẽ hơn thì người dân có điều kiện và năng lực để tiếp cận các nguồn lực phát triển nhiều hơn, chủ động hơn trong việc tiếp cận thị trường và nắm bắt thông tin về giá cả, về chính sách, về pháp luật tốt hơn, hạn chế được các sai sót không đáng có.

2.2. Sự phức tạp của nguồn vốn xã hội và những hạn chế trong quá trình phát triển

Thực trạng nguồn vốn xã hội vùng dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An đa dạng và phong phú nên cũng tạo ra tình trạng phức tạp của vốn xã hội, gây ra nhiều khó khăn trong việc vận dụng và phát huy vốn xã hội. Không chỉ vậy, sự phức tạp của vốn xã hội còn gây ra những hệ quả tiêu cực trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Đó là tình trạng khó để lựa chọn các nhân tố nào trong nguồn vốn xã hội phức tạp đó để đưa vào quá trình phát triển cho phù hợp. Để lựa chọn được thì cần phải mất nhiều thời gian, công sức và nhiều chi phí hơn. Sự phức tạp cũng làm cho người dân khó nhận thức rõ vai trò cũng như giá trị của vốn xã hội hơn và khó tiếp cận được nó trong quá trình phát triển. Khi xây dựng các dự án, chính sách vận dụng, phát huy vốn xã hội thì phải có sự linh động để điều chỉnh sao cho phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể của từng cộng đồng, từng địa phương vì ở mỗi cộng đồng, mỗi địa phương lại có nguồn vốn xã hội khác nhau. Sự phức tạp cũng tạo ra nhiều khó khăn trong việc quản lý, phát triển nguồn vốn xã hội của các địa phương.

Sự phức tạp của vốn xã hội cũng tạo ra nhiều hệ quả tiêu cực đã và đang trở thành những vấn đề xã hội nóng bỏng, ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình phát triển của các cộng đồng, các địa phương và cả tỉnh nói chung. Trước hết là tình trạng cục bộ, gây bè kết phái theo các dòng họ, các địa phương gây ảnh hưởng đến việc quản trị xã hội hay các hoạt động của các tổ chức chính trị. Sự cục bộ trong phát triển kinh tế cũng gây ra những tác hại khác, gây mất đoàn kết trong các cộng đồng hay giữa các cộng đồng với nhau. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, hợp tác và chia sẻ là nguyên tắc, là tôn chỉ để phát triển, thì tính cục bộ lại là rào cản lớn. Mà vốn xã hội, ở mặt trái của nó là nền tảng cho tính cục bộ ở các cộng đồng, các địa phương.

Trong vốn xã hội, có nhiều nhân tố cũng có những mặt tiêu cực cần phải được quan tâm. Ví dụ mạng lưới xã hội xuyên quốc gia có thể là nguồn lực để phát triển kinh tế, nhưng cũng có nhiều tác động tiêu cực nếu quản lý không tốt. Đó là các mạng lưới buôn lậu xuyên quốc gia đã hình thành và tồn tại trong lịch sử và hiện nay cũng không tránh khỏi. Một trong những yếu tố tạo nên tệ nạn này chính là mạng lưới xã hội. Những kẻ xấu đã lợi dụng niềm tin xã hội và mạng lưới xã hội để lừa những người cả tin, thiếu hiểu biết và đem bán qua biên giới. Gần đây, không chỉ việc buôn bán phụ nữ, trẻ em mà còn xuất hiện tình trạng nhiều phụ nữ người dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An đã vượt biên trái phép để lấy chồng Trung Quốc... Hệ lụy từ những việc này vẫn còn đang là ẩn số. Bên cạnh đó còn nhiều vấn đề khác là mặt trái của vốn xã hội, như là vấn đề di cư, vấn đề vượt biên trái phép hay các mối liên hệ phức tạp khác, gây ảnh hưởng lớn đến quá trình xây dựng chính sách phát triển cũng như bảo vệ an ninh vùng biên giới, an ninh quốc gia.

3. Kết luận

Vốn xã hội là một nguồn lực quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Khái niệm vốn xã hội được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Và qua các phân tích cho thấy có hai nhân tố quan trọng nhất của vốn xã hội là niềm tin xã hội và mạng lưới xã hội. Để phân tích thực trạng của vốn xã hội thì cần làm rõ hai nhân tố này trong bối cảnh kinh tế xã hội cụ thể.

Nguồn vốn xã hội vùng dân tộc thiểu số ở miền núi phía Tây Nghệ An thể hiện một cách đa dạng và phong phú. Với niềm tin xã hội thì quan trọng nhất là niềm tin vào hệ thống chính trị, niềm tin trong cộng đồng và niềm tin liên cộng đồng. Ở đây, niềm tin vào hệ thống chính trị không ngừng được tăng cường mạnh mẽ thông qua việc thực hiện nhiều chính sách làm cho đời sống người dân được cải thiện và nâng cao nhanh chóng. Niềm tin trong cộng đồng và niềm tin liên cộng đồng cũng ngày càng được mở rộng qua quá trình thực hiện các giao dịch kinh tế hay các thực hành văn hóa truyền thống. Còn mạng lưới xã hội đa dạng và phong phú thể hiện ở mạng lưới xã hội trong cộng đồng như gia đình, dòng họ hay mạng lưới đồng tộc; mạng lưới xã hội ngoài cộng đồng hay liên cộng đồng và mạng lưới xã hội xuyên quốc gia. Cùng với đó là sự xuất hiện của mạng lưới xã hội ảo từ các thiết bị công nghệ đang ngày càng có vai trò lớn cho sự phát triển.

Nguồn vốn xã hội vùng dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An đa dạng và phong phú, là nguồn lực quan trọng, là lợi thế lớn cho quá trình phát triển kinh tế nều biết vận dụng và phát huy một cách phù hợp và hiệu quả. Bên cạnh đó, vốn xã hội cũng có nhiều mặt trái, nhiều tác động tiêu cực. Vậy nên, trong quá trình phát triển cần phải cố gắng hạn chế các mặt trái của vốn xã hội. Cần phải tập huấn cho người dân để nâng cao năng lực vận dụng và phát huy các giá trị tích cực của vốn xã hội đồng thời nhận thức đúng đắn để hạn chế mặt trái của nó. Có như vậy thì mới đảm bảo được vốn xã hội là nguồn lực để phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số Nghệ An cũng như góp phần vào bảo vệ an ninh quốc phòng.

**Tài liệu tham khảo**

1. Barnes, J. A. (1954): Class and Committees in a Norvegian Island Parish. Human Relations, VII, 1, pp.39-58.

2. Trần Bình (2006), Một số vấn đề về nguồn gốc nhóm Đan Lai và Tày Poọng ở miền Tây Nghệ An, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 3, trang 51-57.

3. Bourdieu, P. (1986): The Forms of Capital. In J. G. Richardson (ed.) Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education. New York: Greenwood Press, pp. 241-258.

4. Nguyễn Ngọc Bích (2006): Vốn xã hội và phát triển, Tạp chí Tia sáng, số 13, tháng 7-2006, Tr.12-22.

5. Nguyễn Văn Chính (2020): Nguồn lực văn hoá và phát triển cộng đồng: một tiếp cận nhân học. Tham luận tại Hội thảo khoa học Quốc tế Nhân học và Phát triển ở Việt Nam đương đại. Khoa Nhân học, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, ĐHQGHN, ngày 16/12/2020.

6. Trần Hữu Dũng (2006): Vốn xã hội và phát triển kinh tế, Tạp chí Tia sáng, số 13, tháng 7-2006, Tr.32-33, 66.

7. Fukuyama, Francis (2001) “Social capital, civil ociety and development”. Third World Quarterly, Vol. 22, No.1, pp 7-20.

8. Ninh Viết Giao (2012), Địa chí huyện Tương Dương, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

9. Lê Ngọc Hùng (2008): Vốn xã hội, vốn con người và mạng lưới xã hội qua một số nghiên cứu ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu con người, số 4, Tr. 45-54.

10. Trần Đình Hượu (1996): Một số mặt của vốn văn hóa truyền thống, In trong Đến hiện đại từ truyền thống, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

11. Nguyễn Đình Lộc (1993, tái bản 2009), Các dân tộc thiểu số ở Nghệ An, Nxb Nghệ An.